

**Công ty TNHH Du lịch, Sản xuất, Thương mại
Hương Phong**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
1. Thông tin chung	1 - 2
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán	6 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
7. Thuyết minh Báo cáo tài chính	12 - 39



THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty TNHH Du lịch, Sản xuất, Thương mại Hương Phong (sau đây gọi tắt là "Công ty"), tiền thân Công ty Đầu tư và Phát triển Du lịch và Công ty Sản xuất Kinh doanh Dịch vụ Xuyên Mộc. Công ty được chấp thuận chuyển sang hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo Quyết định số 279-QĐ/TU do Ban Thường vụ Tỉnh ủy tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp vào ngày 14 tháng 02 năm 2003 và chính thức chuyển thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3500585257, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp vào ngày 03 tháng 6 năm 2003. Công ty sau đó đã đăng ký sửa đổi và nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ mười ba (13) cấp ngày 06 tháng 10 năm 2022.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...);
- Bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng máy khác. Mua bán thiết bị ngành Dầu khí, Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh...;
- Cho thuê xe có động cơ. Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí. Đại lý du lịch. Điều hành tua du lịch. Hoạt động của các cơ sở thể thao. Hoạt động thể thao khác. Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác. Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch. Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao. Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt).

TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ : số 48 - 50 Hạ Long, phường 2, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Mã số thuế : 3 5 0 0 5 8 5 2 5 7

Công ty có 06 địa điểm kinh doanh hạch toán phụ thuộc tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu như sau:

Tên địa điểm kinh doanh	Địa chỉ
Khu Du lịch Hương Phong - Hồ Cốc	khu Hồ Cốc, xã Bưng Riềng, huyện Xuyên Mộc
Trạm xăng dầu Xuyên Mộc	ấp Nhân Nghĩa, xã Xuyên Mộc, huyện Xuyên Mộc
Trạm xăng dầu Bàu Lâm	ấp Hai Đông, xã Bàu Lâm, huyện Xuyên Mộc
Trạm xăng dầu Phước Hội	ấp Tân Hội, xã Phước Hội, huyện Đất Đỏ
Trạm xăng dầu cầu Thủ Lựu	phường Long Toàn, thành phố Bà Rịa
Nhà khách Phi Yến Côn Đảo	30 Tôn Đức Thắng, khu 5, thị trấn Côn Đảo, huyện Côn Đảo

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Thượng Tín	Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc
Ông Phạm Văn Khánh	Phó Giám đốc
Ông Tống Trọng Tuấn	Kế toán trưởng

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Thượng Tín.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán FAC là công ty kiểm toán cho Công ty.

792
ĐTV
1 TC
40
HỒ

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Du lịch, Sản xuất, Thương mại Hương Phong (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc



Trần Thượng Tín

Giám đốc

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 12 tháng 3 năm 2024



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC - FAC AUDITING CO., LTD

64/4 Đường ĐHT 21, Phường Đồng Hưng Thuận, Quận 12, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Tel: (028) 3636 4038 - 3636 4039

www.kiemtoanfac.vn - Email: congty@kiemtoanfac.vn

Số: 037/2023/BCTC-FAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Ban Giám đốc

Công ty TNHH Du lịch, Sản xuất, Thương mại Hương Phong

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Du lịch, Sản xuất, Thương mại Hương Phong (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 12 tháng 3 năm 2024 và được trình bày từ trang 6 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Báo cáo kiểm toán độc lập (tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH Du lịch, Sản xuất, Thương mại Hương Phong tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC



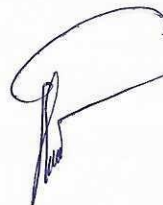
Đỗ Hoàng Chương - Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số 2662-2023-099-1

Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày 12 tháng 3 năm 2024



Nguyễn Hữu Thắng - Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số 2818-2020-099-1

M.S.D.N
QUẬN 12

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		27.202.501.293	22.108.668.530
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	5.103.168.967	1.233.090.005
1 Tiền	111		2.103.168.967	1.233.090.005
2 Các khoản tương đương tiền	112		3.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		9.650.000.000	11.650.000.000
1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	9.650.000.000	11.650.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		11.057.125.223	7.407.795.316
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	8.220.068.124	4.998.523.306
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	516.004.134	52.631.240
3 Phải thu ngắn hạn khác	136	8	3.391.750.645	3.427.338.450
4 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(1.070.697.680)	(1.070.697.680)
IV. Hàng tồn kho	140	10	1.337.633.366	1.690.340.662
1 Hàng tồn kho	141		1.337.633.366	1.690.340.662
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		54.573.737	127.442.547
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	16	27.151.667	66.125.000
2 Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	56.888.439
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	19	27.422.070	4.429.108

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		147.387.952.058	150.691.327.365
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		31.000.000.000	32.000.000.000
1 Phải thu dài hạn khác	216	8	31.000.000.000	32.000.000.000
II. Tài sản cố định	220		37.969.931.163	39.927.942.543
1 Tài sản cố định hữu hình	221	11	36.745.971.979	38.549.321.191
- Nguyên giá	222		78.554.471.095	76.778.298.455
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(41.808.499.116)	(38.228.977.264)
2 Tài sản cố định vô hình	227	12	1.223.959.184	1.378.621.352
- Nguyên giá	228		1.562.097.017	1.562.097.017
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(338.137.833)	(183.475.665)
III. Bất động sản đầu tư	230	13	6.706.142.795	6.776.352.563
- Nguyên giá	231		8.334.985.407	8.334.985.407
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.628.842.612)	(1.558.632.844)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	14	2.923.519.772	2.923.519.772
1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.923.519.772	2.923.519.772
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	15	63.909.592.024	63.909.592.024
1 Đầu tư vào công ty con	251	15.1	32.175.357.000	32.175.357.000
2 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	15.2	25.884.235.024	25.884.235.024
3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	15.3	5.850.000.000	5.850.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4.878.766.304	5.153.920.463
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	16	4.878.766.304	5.153.920.463
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		174.590.453.351	172.799.995.895

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		91.590.236.735	89.894.906.185
I. Nợ ngắn hạn	310		13.849.898.366	11.419.853.060
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	1.455.108.016	2.072.589.913
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	540.864.750	780.231.573
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	609.525.616	136.365.788
4 Phải trả người lao động	314		741.580.224	1.643.052.813
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315		158.324.203	-
6 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	20	1.063.438.890	1.053.438.890
7 Phải trả ngắn hạn khác	319	21	1.076.489.823	1.136.415.790
8 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22	5.996.250.000	2.966.310.000
9 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	23	2.208.316.844	1.631.448.293
II. Nợ dài hạn	330		77.740.338.369	78.475.053.125
1 Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	20	30.262.883.541	31.316.322.431
2 Phải trả dài hạn khác	337	21	47.477.454.828	47.158.730.694
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		83.000.216.616	82.905.089.710
I. Vốn chủ sở hữu	410	24	83.000.216.616	82.905.089.710
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		66.899.313.000	66.899.313.000
2 Quỹ đầu tư phát triển	418		9.198.814.773	8.513.132.111
3 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.266.270.863	6.856.826.619
- Lỗ lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	(2.667.162.311)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		6.266.270.863	9.523.988.930
4 Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		635.817.980	635.817.980
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		174.590.453.351	172.799.995.895


Nguyễn Thị Hồng Xiêm
Người lập biểu


Tống Trọng Tuấn
Kế toán trưởng


Trần Thượng Tín
Giám đốc

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 12 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25.1	97.942.890.595	105.526.499.056
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	25.1	97.942.890.595	105.526.499.056
4 Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp	11	26	84.350.399.828	90.462.264.867
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		13.592.490.767	15.064.234.189
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	25.2	2.205.253.768	2.466.523.468
7 Chi phí tài chính	22	27	224.229.312	226.535.082
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		69.777.912	49.080.282
8 Chi phí bán hàng	25	28	2.143.795.451	1.015.507.905
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	6.073.215.268	6.510.619.970
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.356.504.504	9.778.094.700
11 Thu nhập khác	31	30	259.636.603	534.957.610
12 Chi phí khác	32	30	23.436.498	245.288
13 Lợi nhuận khác	40	30	236.200.105	534.712.322
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.592.704.609	10.312.807.022
15 Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	31.1	1.253.633.684	788.818.092
16 Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	60		6.339.070.925	9.523.988.930


Nguyễn Thị Hồng Xiêm
Người lập biểu


Tống Trọng Tuấn
Kế toán trưởng


Trần Thượng Tín
Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1 Lợi nhuận trước thuế	01		7.592.704.609	10.312.807.022
2 Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		3.804.393.788	3.792.863.820
- Các khoản dự phòng	03		-	174.089.550
- Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		154.076.400	177.454.800
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(2.164.017.847)	(2.405.346.025)
- Chi phí lãi vay	06		69.777.912	49.080.282
3 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		9.456.934.862	12.100.949.449
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(2.640.822.235)	1.753.507.869
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		352.707.296	(45.339.428)
- Giảm các khoản phải trả	11		(2.558.036.912)	(225.930.691)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		314.127.492	(1.248.462.380)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(67.407.404)	(48.055.196)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	19	(891.606.551)	(700.041.941)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.897.008.759)	(780.723.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		2.068.887.789	10.805.903.882
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1.720.887.832)	(2.858.222.966)
2 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(7.500.000.000)	(21.650.000.000)
3 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		9.500.000.000	10.000.000.000
4 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.189.405.652	2.152.591.781
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.468.517.820	(12.355.631.185)

Công ty TNHH Du lịch, Sản xuất, Thương mại Hương Phong

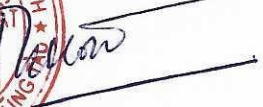
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1 Tiền thu từ đi vay	33	22	21.426.906.320	22.394.920.000
2 Tiền trả nợ gốc vay	34	22	(18.396.966.320)	(21.079.520.000)
3 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.697.266.647)	(1.292.378.383)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(667.326.647)	23.021.617
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		3.870.078.962	(1.526.705.686)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	1.233.090.005	2.759.795.691
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	5.103.168.967	1.233.090.005


Nguyễn Thị Hồng Xiêm
 Người lập biểu


Tổng Trọng Tuấn
 Kế toán trưởng


Trần Thượng Tín
 Giám đốc

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 12 tháng 3 năm 2024



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty TNHH Du lịch, Sản xuất, Thương mại Hương Phong (sau đây gọi tắt là "Công ty"), tiền thân Công ty Đầu tư và Phát triển Du lịch và Công ty Sản xuất Kinh doanh Dịch vụ Xuyên Mộc. Công ty được chấp thuận chuyển sang hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo Quyết định số 279-QĐ/TU do Ban Thường vụ Tỉnh ủy tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp vào ngày 14 tháng 02 năm 2003 và chính thức chuyển thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3500585257, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp vào ngày 03 tháng 6 năm 2003. Công ty sau đó đã đăng ký sửa đổi và nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ mười ba (13) cấp ngày 06 tháng 10 năm 2022.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...);
- Bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng máy khác. Mua bán thiết bị ngành Dầu khí, Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh...;
- Cho thuê xe có động cơ. Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí. Đại lý du lịch. Điều hành tua du lịch. Hoạt động của các cơ sở thể thao. Hoạt động thể thao khác. Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác. Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch. Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao. Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt).

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại số 48 - 50 Hạ Long, phường 2, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Công ty có 06 địa điểm kinh doanh hạch toán phụ thuộc tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu như sau:

Tên địa điểm kinh doanh	Địa chỉ
Khu Du lịch Hương Phong - Hồ Cốc	khu Hồ Cốc, xã Bưng Riềng, huyện Xuyên Mộc
Trạm xăng dầu Xuyên Mộc	ấp Nhân Nghĩa, xã Xuyên Mộc, huyện Xuyên Mộc
Trạm xăng dầu Bàu Lâm	ấp Hai Đông, xã Bàu Lâm, huyện Xuyên Mộc
Trạm xăng dầu Phước Hội	ấp Tân Hội, xã Phước Hội, huyện Đất Đỏ
Trạm xăng dầu cầu Thủ Lựu	phường Long Toàn, thành phố Bà Rịa
Nhà khách Phi Yến Côn Đảo	30 Tôn Đức Thắng, khu 5, thị trấn Côn Đảo, huyện Côn Đảo

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 84 người

(ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 75 người)

Công ty TNHH Du lịch, Sản xuất, Thương mại Hương Phong

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND").

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**3.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Hàng tồn kho (tiếp theo)

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Dự phòng giảm giá Hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5. Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như một tài sản vô hình khi Công ty được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá Quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu trừ khi có thời gian sử dụng vô thời hạn.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

3.7. Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	06 - 40 năm
Máy móc và thiết bị	03 - 15 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Thiết bị quản lý	03 - 18 năm
Cây lâu năm	30 năm
Quyền sử dụng đất	29 - 41 năm
Phần mềm máy tính	2 năm

Quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không khấu hao.

3.8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các Bất động sản như sau:

Quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không khấu hao.

Nhà cửa 20 - 25 năm

Cơ sở hạ tầng 08 - 15 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

3.10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

3.11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước (tiếp theo)

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- Chi phí trả trước về bồi thường giải phóng mặt bằng;
- Công cụ dụng cụ được phân bổ dần không quá 03 năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.12. Các khoản đầu tư

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào liên doanh

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh mà trong đó Công ty có quyền đồng kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên doanh sau ngày Công ty có quyền đồng kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.13. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán.
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của Bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.15. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho chủ sở hữu khi được phê duyệt bởi chủ sở hữu và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các Quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị và phê duyệt của Chủ sở hữu.

- **Quỹ Đầu tư phát triển**

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

- **Quỹ Khen thưởng và Phúc lợi**

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.16. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu (tiếp theo)

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.17. Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập Báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.18. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

		VND
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	586.603.560	424.720.591
Tiền gửi ngân hàng	1.516.565.407	808.369.414
Các khoản tương đương tiền (*)	3.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	5.103.168.967	1.233.090.005

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn bằng đồng Việt Nam có kỳ hạn gốc không quá ba tháng và hưởng lãi suất từ 2,8% đến 3,2% một năm. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này sẽ được tự động gia hạn nếu Công ty không yêu cầu tất toán tại ngày đáo hạn.

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	9.650.000.000	9.650.000.000	11.650.000.000	11.650.000.000
TỔNG CỘNG	9.650.000.000	9.650.000.000	11.650.000.000	11.650.000.000

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có thời hạn từ 03 tháng trở lên và dưới một năm, hưởng lãi suất tiền gửi có thể áp dụng.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND
	Số cuối năm
	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Bất động sản CT	1.031.867.286
Liên doanh Việt Nga - VIETSOVPETRO	1.369.258.196
Công ty TNHH Nhà máy sửa chữa và đóng tàu Sài Gòn	1.180.532.344
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	3.578.418.995
Phải thu các khách hàng khác	1.059.991.303
TỔNG CỘNG	8.220.068.124
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.070.697.680)
GIÁ TRỊ THUẦN	7.149.370.444

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Orbita Việt Nam	-	17.631.240
Công ty TNHH A Sừ Agency	2.916.000	-
Caterpillar Marine Asia Pacific Pte Ltd	478.088.134	-
Nguyễn Trần Ninh	5.000.000	5.000.000
Công ty Cổ phần Định giá và Dịch vụ Tài chính Việt Nam	30.000.000	30.000.000
TỔNG CỘNG	516.004.134	52.631.240

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Tạm ứng cho nhân viên	8.800.000	19.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	571.900.024	597.287.829
Phải thu khác từ bên liên quan	2.811.050.621	2.811.050.621
TỔNG CỘNG	3.391.750.645	3.427.338.450

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dài hạn		
Phải thu dài hạn khác (*)	31.000.000.000	32.000.000.000
TỔNG CỘNG	31.000.000.000	32.000.000.000

- (*) Khoản phải thu dài hạn khác là khoản tạm ứng trước lợi nhuận cho Chủ sở hữu để đầu tư theo Quyết định số 525-QĐ/TU ngày 13 tháng 10 năm 2017 của Tỉnh Ủy Bà Rịa - Vũng Tàu. Ngày 20 tháng 12 năm 2018, Tỉnh Ủy Bà Rịa - Vũng Tàu đã thông báo công văn số 764-CV/VPTU về việc hoàn ứng hàng năm là 1.000.000.000 VND cho Công ty đến khi hết số tiền tạm ứng.

9. NỢ XẤU

Đối tượng nợ (*)	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Đóng tàu & Cơ khí Hàng hải Sài Gòn	140.450.080	-	140.450.080	-
Công ty TNHH Nhà máy sửa chữa và đóng tàu Sài Gòn	1.180.532.344	250.284.744	1.740.895.000	810.647.400
TỔNG CỘNG	1.320.982.424	250.284.744	1.881.345.080	810.647.400

(*) Đây là các khoản nợ quá hạn và đã được Công ty trích lập dự phòng cho giá trị phải thu như được trình bày tại Thuyết minh số 6.

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm		VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
Nguyên liệu, vật liệu	251.701.278	-	251.866.388	-	
Công cụ, dụng cụ	-	-	-	-	
Hàng hóa	1.085.932.088	-	1.438.474.274	-	
TỔNG CỘNG	1.337.633.366	-	1.690.340.662	-	

12.03.2024
CỔ Đ
KI
12.

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quần lý	Cây lâu năm	VND Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số đầu năm	66.150.050.006	3.701.328.386	5.924.130.160	174.366.300	828.423.603	76.778.298.455
Mua trong năm	891.283.259	884.889.381	-	-	-	1.776.172.640
Số cuối năm	67.041.333.265	4.586.217.767	5.924.130.160	174.366.300	828.423.603	78.554.471.095
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	9.273.769.664	1.632.356.743	2.016.703.610	134.366.300	-	13.057.196.317
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Số đầu năm	31.064.749.047	2.582.083.786	4.213.899.079	122.499.552	245.745.800	38.228.977.264
Khấu hao trong năm	2.991.876.873	211.996.843	326.900.609	21.133.415	27.614.112	3.579.521.852
Số cuối năm	34.056.625.920	2.794.080.629	4.540.799.688	143.632.967	273.359.912	41.808.499.116
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	35.085.300.959	1.119.244.600	1.710.231.081	51.866.748	582.677.803	38.549.321.191
Số cuối năm	32.984.707.345	1.792.137.138	1.383.330.472	30.733.333	555.063.691	36.745.971.979
Trong đó:						
Thế chấp (Thuyết minh số 22)	22.145.563.965	-	583.995.130	-	-	22.729.559.095

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	VND Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm	1.266.561.017	295.536.000	1.562.097.017
Mua trong năm	-	-	-
Số cuối năm	<u>1.266.561.017</u>	<u>295.536.000</u>	<u>1.562.097.017</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	65.896.818	117.578.847	183.475.665
Hao mòn trong năm	6.894.168	147.768.000	154.662.168
Số cuối năm	<u>72.790.986</u>	<u>265.346.847</u>	<u>338.137.833</u>
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	<u>1.200.664.199</u>	<u>177.957.153</u>	<u>1.378.621.352</u>
Số cuối năm	<u>1.193.770.031</u>	<u>30.189.153</u>	<u>1.223.959.184</u>
Trong đó:			
Thế chấp (Thuyết minh số 22)	1.027.428.149	-	1.027.428.149

2023
TUYET
TOA
C
5C

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

				VND
	Nhà cửa	Quyền sử dụng đất	Tài sản khác (Cơ sở hạ tầng)	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Số đầu năm	942.675.394	6.356.283.832	1.036.026.181	8.334.985.407
Tăng (giảm)	-	-	-	-
Số cuối năm	942.675.394	6.356.283.832	1.036.026.181	8.334.985.407
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số đầu năm	942.675.394	-	615.957.450	1.558.632.844
Khấu hao trong năm	-	-	70.209.768	70.209.768
Số cuối năm	942.675.394	-	686.167.218	1.628.842.612
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	-	6.356.283.832	420.068.731	6.776.352.563
Số cuối năm	-	6.356.283.832	349.858.963	6.706.142.795
<i>Trong đó:</i>				
<i>Thế chấp (Thuyết minh số 22)</i>	-	6.356.283.832	-	6.356.283.832

Các khoản doanh thu và chi phí hoạt động liên quan đến bất động sản đầu tư được trình bày trong Thuyết minh 25.3;

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31 tháng 12 năm 2023. Tuy nhiên Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ kế toán tại ngày kết thúc năm.

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BÀN DỜ DANG

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	2.923.519.772	2.923.519.772
TỔNG CỘNG	2.923.519.772	2.923.519.772

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty con	32.175.357.000	32.175.357.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	25.884.235.024	25.884.235.024
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	5.850.000.000	5.850.000.000
TỔNG CỘNG	63.909.592.024	63.909.592.024
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	-	-
GIÁ TRỊ THUẦN	63.909.592.024	63.909.592.024

15.1. Đầu tư vào công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư vào Công ty con như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết (%)	Giá trị VND	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết (%)	Giá trị VND
Công ty TNHH Khai thác và Sản xuất đá Hương Phong (*)	100,00	30.175.357.000	100,00	30.175.357.000
Công ty TNHH Logistics CEA Hương Phong (**)	51,00	2.000.000.000	51,00	2.000.000.000
TỔNG CỘNG		32.175.357.000		32.175.357.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		-		-
GIÁ TRỊ THUẦN		32.175.357.000		32.175.357.000

(*) **Công ty TNHH Khai thác và Sản xuất đá Hương Phong**

Công ty TNHH Khai thác và Sản xuất đá Hương Phong (tiền thân là Công ty liên doanh TNHH Sungei Way Đại Dương) là được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 491041000442 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 15 tháng 01 năm 1997. Ngày 25 tháng 4 năm 2015, Công ty đã được cấp Giấy Chứng nhận Đầu tư thay đổi lần thứ 03 (ba) về việc thay đổi tên và hình thức doanh nghiệp sang công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, chủ sở hữu là Công ty TNHH Du lịch, Sản xuất, Thương mại Hương Phong thông qua hợp đồng mua bán chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp số 86/HĐKT/HP - SW ký ngày 28 tháng 11 năm 2013, giữa Công ty liên doanh TNHH Sunway Holdings (VietNam) SDN. BHD., và Công ty TNHH Du lịch, Sản xuất, Thương mại Hương Phong.

Hoạt động chính của Công ty TNHH Khai thác và Sản xuất đá Hương Phong là khai thác và sản xuất đá. Trụ sở chính đặt tại khu phố núi Dinh, phường Kim Dinh, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Theo biên bản ghi nhớ số 234/BB ngày 12 tháng 12 năm 2013 thì Công ty đã nhận tiền của ông Nguyễn Huy Toàn và ông Hà Tiến Thành để thực hiện việc mua lại 70% vốn điều lệ của Công ty TNHH Khai thác và Sản xuất đá Hương Phong. Ngày 25 tháng 07 năm 2022, theo bản án phúc thẩm số 43/2022/KDTM-PT của Tòa án tối cao nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc tranh chấp giữa người chưa phải là thành viên công ty nhưng có giao dịch về chuyển nhượng phần vốn góp với công ty đã tuyên giao dịch trên như sau là trái luật nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Và do đó, Công ty tiếp tục trình bày khoản đầu tư vào Công ty TNHH Khai thác và Sản xuất đá Hương Phong là một khoản đầu tư vào Công ty con.

Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

() Công ty TNHH Logistics CEA Hương Phong ("CEA Hương Phong")**

Công ty TNHH Logistics CEA Hương Phong là một công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh ("GCNĐKKD") số 3502329996, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp vào ngày 14 tháng 3 năm 2017, và theo GCNĐKKD điều chỉnh. Vốn điều lệ theo GCNĐKKD là 6.000.000.000 VND.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư số tiền 2.000.000.000 VND, tương đương 33,33% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào CEA Hương Phong là 1.060.000.000 VND. Do đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty TNHH CEA Projects vẫn chưa góp đủ vốn theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cấp lần đầu ngày 17 tháng 3 năm 2017 và các lần thay đổi nên Công ty chưa góp vốn điều lệ còn lại.

Hoạt động chính của CEA Hương Phong là dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ. Trụ sở chính tại phòng 440, tầng 4, tòa nhà Petro Việt Nam Towers, số 8 Hoàng Diệu, phường 1, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

15.2. Đầu tư vào các công ty liên kết

		VND	
	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết (%)	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Du lịch Gold Vũng Tàu (*)	30,95	9.084.235.024	9.084.235.024
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ (**)	40,00	16.800.000.000	16.800.000.000
TỔNG CỘNG		25.884.235.024	25.884.235.024

(*) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Du lịch Gold Vũng Tàu giá trị 9.084.235.024 VND, tương đương 30,95% vốn thực góp. Trong đó giá trị nhận ủy thác đầu tư cho cán bộ nhân viên là 249.500.000 VND. Công ty Cổ phần Du lịch Golf Vũng Tàu đang trong giai đoạn đầu tư, chưa đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

(**) Công ty được ủy quyền đứng tên cho Văn phòng tỉnh ủy tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, số cổ phiếu là 1.680.000 cổ phiếu với giá trị 16.800.000.000 VND.

15.3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc đầu tư	Dự phòng	Giá gốc đầu tư	Dự phòng
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu	5.850.000.000	-	5.850.000.000	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty nắm giữ 585.000 cổ phần với giá trị 5.850.000.000 VND của Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu.

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Chi phí trả trước khác	27.151.667	66.125.000
TỔNG CỘNG	27.151.667	66.125.000

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dài hạn		
Chi phí bồi thường	2.855.415.536	2.235.332.309
Chi phí trả trước khác	2.023.350.768	2.918.588.154
TỔNG CỘNG	4.878.766.304	5.153.920.463

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Hoàng Văn Ngôn	194.520.180	194.520.180	219.317.985	219.317.985
Công ty TNHH Xây dựng Trần Long	-	-	333.728.047	333.728.047
Công ty TNHH thiết kế Kiến Trúc Xanh	188.385.000	188.385.000	188.385.000	188.385.000
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	513.170.543	513.170.543	500.000.000	500.000.000
Phải trả đối tượng khác	559.032.293	559.032.293	831.158.881	831.158.881
TỔNG CỘNG	1.455.108.016	1.455.108.016	2.072.589.913	2.072.589.913

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trạm xăng dầu Xuyên Mộc	419.553.874	453.946.247
Các khoản người mua trả tiền trước khác	121.310.876	326.285.326
TỔNG CỘNG	540.864.750	780.231.573

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

				VND
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Phải nộp				
Thuế Giá trị gia tăng	(700.844)	2.713.889.604	(2.580.146.381)	133.042.379
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	88.776.151	1.253.633.684	(891.606.551)	450.803.284
Thuế Thu nhập cá nhân	47.589.637	186.531.413	(208.441.097)	25.679.953
Thuế Nhà đất và Tiền thuê đất	(3.728.264)	795.081.660	(818.775.466)	(27.422.070)
Các loại thuế khác	-	9.000.000	(9.000.000)	-
TỔNG CỘNG	131.936.680	4.958.136.361	(4.507.969.495)	582.103.546
Trong đó:				
Thuế phải nộp	136.365.788			609.525.616
Thuế nộp thừa (*)	4.429.108			27.422.070

(*) Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

20. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

		VND
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Doanh thu cho thuê	1.063.438.890	1.053.438.890
TỔNG CỘNG	1.063.438.890	1.053.438.890
		VND
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dài hạn		
Doanh thu cho thuê cửa hàng xăng dầu	23.524.800	72.196.800
Doanh thu cho thuê tài sản trên đất (*)	30.239.358.741	31.244.125.631
TỔNG CỘNG	30.262.883.541	31.316.322.431

(*) Doanh thu chưa thực hiện thể hiện khoản tiền nhận trước từ khách hàng liên quan đến hoạt động thuê tài sản tại khuôn viên nhà số 06 và số 12B, đường Hạ Long, phường 2, thành phố Vũng Tàu trong thời gian thuê là ba mươi bảy (37) năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

21. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	31.067.120	24.950.005
Nhận ký quỹ, ký cược	-	20.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.045.422.703	1.091.465.785
TỔNG CỘNG	1.076.489.823	1.136.415.790

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	9.291.433.600	8.980.982.200
Hà Tiến Thành (*)	9.050.142.850	9.050.142.850
Nguyễn Huy Toàn (*)	12.066.857.150	12.066.857.150
Nhận vốn ủy thác đầu tư của cán bộ nhân viên (Thuyết minh số 15.2)	249.500.000	249.500.000
Nhận vốn đầu tư hộ của bên liên quan (Thuyết minh số 15.2)	16.800.000.000	16.800.000.000
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp dự phòng của liên doanh (Thuyết minh số 24.1)	19.521.228	11.248.494
TỔNG CỘNG	47.477.454.828	47.158.730.694

(*) Khoản phải trả cho ông Hà Tiến Thành và Nguyễn Huy Toàn liên quan đến việc đầu tư vào Công ty TNHH Khai thác và Sản xuất đá Hương Phong. Theo biên bản ghi nhớ số 234/BB ngày 12 tháng 12 năm 2013, Công ty nhận tiền của ông Nguyễn Huy Toàn và ông Hà Tiến Thành để thực hiện việc mua lại 70% vốn điều lệ của Công ty TNHH Khai thác và Sản xuất đá Hương Phong. (Thuyết minh số 15.1).

Ngày 25 tháng 7 năm 2022, theo bản án phúc thẩm số 43/2022/KDTM-PT của Tòa án Nhân dân tối cao thành phố Hồ Chí Minh về việc chuyển nhượng giao dịch nêu trên đã được Tòa án tuyên xử như trình bày tại Thuyết minh số 15.1 nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2023, Công ty đang tiến hành báo cáo với Văn phòng Tỉnh Ủy về vấn đề này để xin ý kiến xử lý.

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay từ ngân hàng	5.996.250.000	2.966.310.000
TỔNG CỘNG	5.996.250.000	2.966.310.000

Tình hình tăng giảm các khoản vay và nợ thuê tài chính trong năm như sau:

	VND
	Vay ngân hàng
Số đầu năm	2.966.310.000
Tiền thu từ đi vay	21.426.906.320
Tiền chi trả nợ gốc vay	(18.396.966.320)
Số cuối năm	5.996.250.000
Số có khả năng trả nợ	5.996.250.000

Chi tiết của các khoản vay tại ngân hàng được trình bày như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu			
Hợp đồng cho vay hạn mức số 477129.2023.HMCV ngày 14 tháng 06 năm 2023 với hạn mức cho vay là 30 tỷ VND.	5.996.250.000	12 tháng với lãi suất được ghi trên giấy nhận nợ	Nhà cửa, vật kiến trúc và Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất
TỔNG CỘNG	5.996.250.000		

23. QUỸ KHEN THƯỞNG VÀ PHÚC LỢI

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.631.448.293	2.412.172.093
Trích lập trong năm (Thuyết minh số 24.1)	2.473.877.310	-
Sử dụng trong năm	(1.897.008.759)	(780.723.800)
Số cuối năm	2.208.316.844	1.631.448.293
Trong đó		
Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi	2.134.862.185	1.574.568.634
Quỹ Khen thưởng Ban Quản lý điều hành	73.454.659	56.879.659

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

24.1. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	VNĐ
Năm trước					Tổng cộng
Số đầu năm	66.899.313.000	8.513.132.111	(2.667.162.311)	635.817.980	73.381.100.780
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	9.523.988.930	-	9.523.988.930
Số cuối năm	66.899.313.000	8.513.132.111	6.856.826.619	635.817.980	82.905.089.710
Năm nay					
Số đầu năm	66.899.313.000	8.513.132.111	6.856.826.619	635.817.980	82.905.089.710
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	6.339.070.925	-	6.339.070.925
Trích lập quỹ từ lợi nhuận (*)	-	685.682.662	(3.159.559.972)	-	(2.473.877.310)
Lợi nhuận chuyển chủ sở hữu (*)	-	-	(3.697.266.647)	-	(3.697.266.647)
Chi liên doanh	-	-	(72.800.062)	-	(72.800.062)
Số cuối năm	66.899.313.000	9.198.814.773	6.266.270.863	635.817.980	83.000.216.616

(*) Phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022 theo Công văn số 1325-CV/NPTU ngày 02 tháng 8 năm 2023 của Văn phòng Tỉnh ủy Bà Rịa - Vũng Tàu về việc phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2022.

25. DOANH THU

25.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	56.545.471.898	50.862.901.864
Doanh thu cung cấp dịch vụ	41.304.570.173	54.576.004.248
Doanh thu bất động sản đầu tư	92.848.524	87.592.944
TỔNG CỘNG	97.942.890.595	105.526.499.056
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 32)	9.791.058.894	2.677.494.827
Doanh thu đối với bên khác	88.151.831.701	102.849.004.229

25.2. Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	792.417.847	465.546.025
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.371.600.000	1.939.800.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	41.235.921	61.177.443
TỔNG CỘNG	2.205.253.768	2.466.523.468

25.3. Doanh thu và chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ bất động sản đầu tư	92.848.524	87.592.944
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong năm	(70.209.768)	(81.827.220)

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	52.842.924.015	49.163.786.741
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	31.437.266.045	41.216.650.906
Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư	70.209.768	81.827.220
TỔNG CỘNG	84.350.399.828	90.462.264.867

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	69.777.912	49.080.282
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	154.451.400	177.454.800
TỔNG CỘNG	224.229.312	226.535.082

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên bán hàng	643.149.510	758.817.476
Chi phí vật liệu, bao bì	291.316.496	1.750.000
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	118.157.415	12.943.182
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	12.532.937	11.045.239
Chi phí dịch vụ mua ngoài	792.081.521	183.621.616
Chi phí bán hàng khác	286.557.572	47.330.392
TỔNG CỘNG	2.143.795.451	1.015.507.905

29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	2.642.529.785	3.212.226.102
Chi phí vật liệu quản lý	60.258.263	190.409.576
Chi phí đồ dùng văn phòng	200.719.925	386.083.590
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	318.426.192	228.099.198
Thuế, phí và lệ phí	1.035.358.500	14.678.677
Chi phí dự phòng	-	174.089.550
Chi phí dịch vụ mua ngoài	821.223.376	1.185.806.112
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	994.699.227	1.119.227.165
TỔNG CỘNG	6.073.215.268	6.510.619.970

305
CÔNG
KIỂM
F
12-7

30. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác		
Thanh lý phế liệu	24.150.731	24.756.636
Thu nhập không đủ mức khoán	134.645.922	478.780.331
Các khoản khác	100.839.950	31.420.643
	259.636.603	534.957.610
Chi phí khác		
Các khoản tiền chậm nộp, phạt theo hợp đồng kinh tế	(6.625.516)	(245.288)
Các khoản khác	(16.810.982)	-
	(23.436.498)	(245.288)
LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN	236.200.105	534.712.322

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế từ tất cả các hoạt động kinh doanh.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

31.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.592.704.609	10.312.807.022
<i>Các khoản điều chỉnh tăng (giảm)</i>		
Chi phí không được khấu trừ thuế	47.063.813	22.015.292
Thu nhập từ lợi nhuận được chia	(1.371.600.000)	(1.939.800.000)
Tổng lợi nhuận chịu thuế	6.268.168.422	8.395.022.314
Lỗi năm trước chuyển sang	-	(4.450.931.854)
Thu nhập tính thuế	6.268.168.422	3.944.090.460
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế TNDN theo thuế suất	1.253.633.684	788.818.092
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.253.633.684	788.818.092

31.2. Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

Bên liên quan

Mối quan hệ

Văn phòng Tỉnh ủy tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Chủ sở hữu

Công ty TNHH Logistics CEA Hương Phong

Công ty con

Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ

Công ty liên kết

Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu

Đầu tư khác

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
		<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Văn phòng Tỉnh ủy tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Thu hồi lợi nhuận đã ứng trước	1.000.000.000	1.000.000.000
	Lợi nhuận chuyển về chủ sở hữu	3.697.266.647	1.292.378.383
	Chuyển cổ tức nhận ủy thác	1.814.400.000	1.663.200.000
	Bán hàng	428.689.391	588.602.168
Công ty TNHH Logistics CEA Hương Phong	Bán hàng	1.990.574.048	2.010.901.922
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	Nhận cổ tức nhận ủy thác	1.814.400.000	1.663.200.000
	Thu tiền cổ tức	201.600.000	184.800.000
	Bán hàng	7.371.795.455	77.990.737
	Thuê mặt bằng	1.891.045.346	1.910.356.829
Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu	Thu tiền cổ tức	1.170.000.000	1.755.000.000

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường.

Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Văn phòng Tỉnh ủy tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	36.418.995	40.971.110
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	3.542.000.000	84.230.000
TỔNG CỘNG	3.578.418.995	125.201.110
Phải thu khác		
Ngắn hạn		
Văn phòng Tỉnh ủy tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	2.791.050.621	2.791.050.621
Công ty Cổ phần Du lịch GOLF Vũng Tàu	20.000.000	20.000.000
TỔNG CỘNG	2.811.050.621	2.811.050.621
Dài hạn		
Văn phòng Tỉnh ủy tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	31.000.000.000	32.000.000.000
TỔNG CỘNG	31.000.000.000	32.000.000.000
Phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	513.170.543	500.000.000
TỔNG CỘNG	513.170.543	500.000.000
Phải trả dài hạn khác		
Văn phòng Tỉnh ủy tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (*)	16.800.000.000	16.800.000.000
TỔNG CỘNG	16.800.000.000	16.800.000.000

(*) Công ty đứng tên hộ thay cho Văn phòng tỉnh ủy tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đầu tư vào Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ, số cổ phiếu là 1.680.000 cổ phiếu với giá trị 16.800.000.000 VND.

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Ban Giám đốc như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lương, phụ cấp và thưởng	816.018.076	607.700.766

33. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty.



Nguyễn Thị Hồng Xiêm
Người lập biểu



Tổng Trọng Tuấn
Kế toán trưởng




Trần Thượng Tín
Giám đốc

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 12 tháng 3 năm 2024